

MỆNH ĐỀ QUAN HỆ

Định nghĩa: Mệnh đề quan hệ dùng để **bổ nghĩa cho danh từ** đứng trước, bắt đầu bằng một **đại từ quan hệ** (who, which, that...), hoặc trạng từ quan hệ (when, where, why).

Đại từ quan hệ:

Từ	Dùng cho	Vai trò
who	người	chủ ngữ/tân ngữ
whom	người	tân ngữ (trang trọng)
which	vật	chủ ngữ/tân ngữ
that	người + vật	chủ ngữ/tân ngữ
whose	người + vật	chỉ sở hữu
where	nơi chốn	thay cho “in/at/on + place”
when	thời gian	thay cho “in/on/during + time”
why	lý do	thay cho “for + reason”

Mệnh đề xác định & không xác định:

Defining (xác định)

- Cần thiết để hiểu câu
- Không có dấu phẩy

Non-defining (không xác định)

- Thêm thông tin phụ
- Có dấu phẩy, không dùng “that”

Rút gọn mệnh đề quan hệ:

Chủ ngữ trùng \Rightarrow dùng **V-ing**

- The girl **who is standing** \rightarrow The girl **standing**

Bị động \Rightarrow dùng **V3/ed**

- The car **which was stolen** \rightarrow The car **stolen**

Dùng “to V” khi có từ chỉ mục đích, thứ tự, duy nhất

- The first person **who arrived** → The first person **to arrive**

Bài tập:

Bài 1: Chọn đại từ quan hệ thích hợp: who / which / that.

1. The boy _____ is standing over there is my brother.
2. The book _____ is on the table is mine.
3. The girl _____ won the contest is only 10 years old.
4. The dog _____ you adopted is very friendly.
5. The movie _____ we watched last night was boring.
6. The teacher _____ teaches me English is very kind.
7. The hat _____ you bought looks nice.
8. The car _____ broke down yesterday is very old.
9. The man _____ lives next door is a doctor.
10. The cake _____ she made was delicious.

Bài 2: Viết lại câu dùng mệnh đề quan hệ.

1. The woman is my aunt. She is talking to my mother.

2. I lost the key. You gave it to me yesterday.

3. The girl is very smart. Her father is a scientist.

4. This is the café. I often study here.

5. The man helped me a lot. I will never forget him.

6. The city is very crowded. I was born there.

7. The dress is expensive. Mary wants to buy it.

8. The day was rainy. We got married on that day.

9. The reason is unclear. She quit her job for that reason.

10. The students are working hard. I met them this morning.

Bài 3: Rút gọn mệnh đề quan hệ (nếu có thể).

1. The man who is sitting near the window is my uncle.
2. The books that were written by him became bestsellers.
3. The students who study hard will pass the exam.
4. The car which was parked outside has been stolen.
5. The girl who lives next door wants to study abroad.
6. The people who were invited to the party were famous.
7. The only person who understands me is you.
8. The first student who completed the test got a prize.
9. The house which was built in 1890 is still strong.
10. The man who was injured in the accident has recovered.

Bài 4: Chọn Defining hoặc Non-defining (Không cần viết lại câu)

1. My sister, who lives in Japan, will visit next month.
2. The man who is standing at the door is our new teacher.
3. The car that my dad bought last year is very expensive.
4. Mr. Brown, who is our principal, is retiring soon.
5. The students who got high scores will receive awards.
6. Hanoi, which is the capital of Vietnam, is very crowded.
7. The dog that you adopted is very friendly.

8. My mother, who loves gardening, spends hours in the backyard.
9. The girl who won the competition is my neighbor.
10. Everest, which is the highest mountain in the world, attracts many climbers.